

QUYỀN THU GIỮ TÀI SẢN BẢO ĐẢM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG: BẢN CHẤT PHÁP LÝ, GIỚI HẠN VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

TÔ VÂN CHÂU

Công ty Luật TNHH NCO, Việt Nam

NCO Law Firm LLC, Vietnam

Email: Tovanchau.law@gmail.com

Ngày nhận bài: 4/8/2026

Ngày sửa bài: 21/8/2026

Ngày duyệt đăng bài: 4/9/2026

Tóm tắt:

Quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho phép tổ chức tín dụng thiết lập sự kiểm soát thực tế đối với tài sản để thực hiện quyền xử lý khi tài sản không được tự nguyện bàn giao. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền này đặt ra vấn đề về ranh giới giữa tự thực hiện quyền của chủ thể tư và quyền cưỡng chế của Nhà nước. Bài viết làm rõ bản chất pháp lý của quyền thu giữ, phân tích các giới hạn theo pháp luật hiện hành và chỉ ra, pháp luật chưa xác định đầy đủ phạm vi hành vi được phép khi người đang giữ tài sản không hợp tác. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất xác định rõ giới hạn hành vi của quyền thu giữ và thiết lập cơ chế chuyển tiếp sang công quyền khi việc tiếp tục thu giữ đòi hỏi sử dụng biện pháp cưỡng chế.

Từ khóa: tài sản bảo đảm, thu giữ tài sản bảo đảm, tổ chức tín dụng, xử lý tài sản bảo đảm, tự thực hiện quyền, cưỡng chế

The right of credit institutions to repossess collateral: Legal nature, limitations, and recommendations for legal reform

Abstract:

The right to repossess collateral enables credit institutions to obtain actual control over collateral in order to exercise their enforcement rights where the property is not voluntarily surrendered. However, the exercise of this right raises questions concerning the boundary between private self-help enforcement and the coercive powers of the State. This study clarifies the legal nature of the right to repossess collateral, analyzes its limitations under current law, and demonstrates that the permissible scope of conduct when the person in possession of the collateral refuses to cooperate has not yet been sufficiently defined. On this basis, the study proposes clearer limits on the conduct permitted in exercising the right of repossession and the establishment of a mechanism for transitioning to public enforcement where further repossession would require coercive measures.

Keywords: collateral, repossession of collateral, credit institutions, enforcement of collateral, self-help enforcement, coercive enforcement

1. Đặt vấn đề

Trong quan hệ cấp tín dụng có bảo đảm bằng tài sản, khả năng thu hồi nợ không chỉ phụ thuộc vào quyền xử lý tài sản bảo đảm mà còn phụ thuộc vào khả năng kiểm soát tài sản trên thực tế. Đặc biệt đối với tài sản thế chấp, tài sản thường vẫn do bên bảo đảm hoặc người khác chiếm hữu, quản lý¹. Khi người đang giữ tài sản không tự nguyện giao tài sản, bên nhận bảo đảm tuy có quyền xử lý nhưng có thể không có sự kiểm soát thực tế cần thiết để thực hiện quyền².

Đối với khoản nợ xấu, pháp luật hiện hành cho phép tổ chức tín dụng thu giữ tài sản bảo đảm khi đáp ứng các điều kiện luật định. Cơ chế này góp phần khắc phục trở ngại trong việc tiếp cận tài sản, nhưng đồng thời đặt ra vấn đề về giới hạn của quyền khi tài sản đang do chủ thể khác kiểm soát. Các nghiên cứu trước đây ở Việt Nam đã đề cập đến quyền thu giữ như một cơ chế phục vụ xử lý, thu hồi nợ và những khó khăn trong thực hiện quyền này³. Tuy nhiên, khi quyền thu giữ được luật hóa, vấn đề cần tiếp tục làm rõ không chỉ là điều kiện phát sinh quyền mà còn là bản chất pháp lý và giới hạn hành vi của chủ thể thực hiện quyền.

Vấn đề trở nên rõ ràng hơn khi người đang chiếm hữu, quản lý tài sản không tự nguyện giao tài sản. Nghĩa vụ giao tài sản không đồng nghĩa với quyền của bên nhận bảo đảm được sử dụng biện pháp cưỡng chế để buộc giao tài sản. Vì vậy, cần xác định chủ thể có quyền thu giữ được thực hiện những hành vi nào để kiểm soát tài sản và ở đâu là ranh giới giữa tự thực hiện quyền với quyền cưỡng chế của Nhà nước.

Trên cơ sở đó, bài viết phân tích bản chất pháp lý của quyền thu giữ trong mối quan hệ với quyền xử lý tài sản bảo đảm, quyền tự bảo vệ quyền dân sự và quyền cưỡng chế của Nhà nước; đánh giá các giới hạn của pháp luật hiện hành và đề xuất giải pháp hoàn thiện nhằm bảo đảm hiệu quả thực hiện quyền nhưng không làm dịch chuyển quyền lực cưỡng chế sang chủ thể tư.

2. Bản chất pháp lý của quyền thu giữ tài sản bảo đảm

2.1. Thu giữ tài sản bảo đảm trong mối quan hệ với quyền xử lý tài sản bảo đảm

Thu giữ và xử lý tài sản bảo đảm có quan hệ trực tiếp nhưng khác nhau về chức năng pháp lý. Theo Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS 2015), khi phát sinh căn cứ xử lý, bên nhận bảo đảm có quyền xử lý tài sản theo phương thức đã thỏa thuận hoặc luật định⁴. Trong khi đó, nếu tài sản vẫn do bên bảo đảm hoặc người khác nắm giữ, người đang giữ tài sản có nghĩa vụ giao tài sản để xử lý; trường hợp không giao, bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác⁵.

Đối với tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, Điều 198a Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (Luật CTCTD 2024) đã cụ thể hóa trường hợp ngoại lệ này bằng việc cho phép thu giữ khi người có nghĩa vụ không giao tài sản và đáp ứng các điều kiện luật định⁶. Vì vậy, thu giữ không phải là phương thức xử lý tài sản bảo đảm mà là cơ chế thiết lập sự kiểm soát thực tế đối với tài sản để thực hiện quyền xử lý. Quyền xử lý xác định cách thức sử dụng tài sản để thực hiện nghĩa vụ; quyền thu giữ giải quyết khả năng tiếp cận và kiểm soát tài sản khi tài sản không được tự nguyện giao.

Theo đó, quyền thu giữ hỗ trợ việc thực hiện quyền xử lý nhưng có nội dung pháp lý độc lập tương đối. Việc có quyền xử lý không đương nhiên làm phát sinh quyền thu giữ, càng không cho phép bên nhận bảo đảm sử dụng mọi biện pháp cần thiết để kiểm soát tài sản.

2.2. Quyền thu giữ và quyền tự bảo vệ quyền dân sự

BLDS 2015 thừa nhận quyền tự bảo vệ nhưng giới hạn biện pháp tự bảo vệ ở mức phù hợp với tính chất, mức độ xâm phạm và không trái pháp luật⁷. Quyền thu giữ có đặc điểm của cơ chế này: khi người đang giữ tài sản không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản, tổ chức tín dụng có thể tự thu giữ mà không phải trước hết có bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định cưỡng chế thi hành án; đồng thời, hợp đồng bảo đảm phải có thỏa thuận cho phép thu giữ⁸.

Nhìn từ pháp luật so sánh, vấn đề giới hạn của cơ chế tự thu giữ cũng được đặt ra trong pháp luật về giao dịch bảo đảm của nhiều quốc gia. Gikay và Stănescu cho thấy, cơ chế self-help repossession luôn phải giải quyết sự cân bằng giữa khả năng tự thực hiện quyền của chủ nợ có bảo đảm với yêu cầu ngăn ngừa hành vi xâm phạm đối với con nợ; trong khi các hệ thống dân luật nhìn chung thận trọng hơn đối với việc trao cho chủ thể tư khả năng tự thu hồi tài sản⁹. Tajti cũng chỉ ra, sự dè dặt đối với self-help là một trong những nguyên nhân khiến nhiều hệ thống dân luật tìm kiếm những cơ chế thay thế hoặc đặt ra giới hạn chặt chẽ đối với việc thu hồi tài sản ngoài tư pháp¹⁰.

Cách tiếp cận này có ý nghĩa đối với việc xác định quyền thu giữ theo pháp luật Việt Nam. Tự thực hiện quyền không đồng nghĩa với tự cưỡng chế. Khi người đang kiểm soát tài sản phản đối, việc sử dụng sức mạnh hoặc biện pháp bắt buộc đối với người và tài sản có thể vượt khỏi phạm vi tự bảo vệ. Vì vậy, quyền thu giữ có thể được xác định là cơ chế tự thực hiện và bảo vệ quyền được pháp luật chuyên ngành ghi nhận, nhưng không tự trao cho tổ chức tín dụng quyền cưỡng buộc người đang giữ tài sản phải chuyển giao tài sản.

2.3. Quyền thu giữ và quyền cưỡng chế của Nhà nước

Ranh giới giữa thu giữ và cưỡng chế bộc lộ rõ nhất khi người đang giữ tài sản không tự nguyện giao tài sản. Pháp luật trao cho tổ chức tín dụng quyền thu giữ nhưng không trao quyền cưỡng chế. Việc Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã tham gia bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình thu giữ không làm phát sinh quyền cưỡng chế cho tổ chức tín dụng¹¹.

Khác với thu giữ, cưỡng chế là việc chủ thể có thẩm quyền sử dụng quyền lực nhà nước để buộc thực hiện nghĩa vụ theo căn cứ và trình tự luật định. Trong thi hành án dân sự, Chấp hành viên được pháp luật trao quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế và tổ chức chuyển giao tài sản khi người phải thi hành án không tự nguyện thực hiện¹². Quyền lực này phát sinh từ pháp luật và gắn với thẩm quyền công, nên không thể được tạo lập bằng thỏa thuận giữa các chủ thể tư.

Kinh nghiệm về self-help repossession cũng cho thấy, giới hạn này có ý nghĩa quyết định. Theo Tajti, pháp luật Hoa Kỳ cho phép chủ nợ có bảo đảm thu hồi tài sản mà không cần thủ tục tư pháp nhưng với điều kiện không gây “breach of the peace”; khi gặp bạo lực hoặc đe dọa bạo lực, việc thu hồi ngoài tư pháp phải dừng lại và chủ nợ có thể chuyển sang cơ chế tư pháp¹³. Điểm có giá trị tham khảo ở đây không phải là tiếp nhận nguyên trạng tiêu chuẩn này, mà là sự tồn tại của một ranh giới buộc cơ chế tự thực hiện phải dừng lại khi việc tiếp tục kiểm soát tài sản đòi hỏi sử dụng sức mạnh cưỡng buộc.

Do đó, thỏa thuận cho phép thu giữ là căn cứ làm phát sinh quyền nhưng không thể tạo ra quyền cưỡng chế. Vấn đề pháp lý cốt lõi là xác định quyền thu giữ được thực hiện đến đâu khi gặp sự chống đối và từ thời điểm nào việc tiếp tục kiểm soát tài sản phải chuyển sang cơ chế sử dụng quyền lực nhà nước. Đây là cơ sở để xem xét các giới hạn của quyền thu giữ theo pháp luật hiện hành.

3. Giới hạn của quyền thu giữ tài sản bảo đảm theo pháp luật hiện hành và những vấn đề đặt ra

Từ bản chất pháp lý của quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho thấy, quyền thu giữ không đương nhiên phát sinh cùng với quyền xử lý tài sản bảo đảm. Pháp luật hiện hành giới hạn quyền này về căn cứ phát sinh, tình trạng pháp lý của tài sản, bảo vệ một số lợi ích thiết yếu của bên bảo đảm và phương thức thực hiện. Vấn đề cần xem xét là các giới hạn đó đã đủ để xác định ranh giới của quyền thu giữ trên thực tế hay chưa.

3.1. Giới hạn về căn cứ phát sinh quyền thu giữ

Khoản 2 Điều 198a Luật CTCTD 2024 đặt quyền thu giữ dưới các điều kiện đồng thời: đã phát sinh trường hợp xử lý tài sản; hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận cho phép thu giữ; biện pháp bảo đảm đã có hiệu lực đối kháng với người thứ ba; tài sản không thuộc trường hợp pháp lý loại trừ; đáp ứng điều kiện do Chính phủ quy định và đã thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin¹⁴. Như vậy, có quyền xử lý tài sản chưa đủ để làm phát sinh quyền thu giữ.

Đáng chú ý, quyền thu giữ không được thiết kế như quyền mặc nhiên của bên nhận bảo đảm mà còn phụ thuộc vào thỏa thuận trước của bên bảo đảm¹⁵. Tuy nhiên, sự đồng ý này chỉ là căn cứ làm phát sinh quyền, không thể được hiểu là chấp thuận trước mọi phương thức thực hiện quyền. Vì vậy, tính hợp pháp của quyền thu giữ và tính hợp pháp của hành vi được sử dụng để thu giữ phải được xem xét độc lập.

3.2. Giới hạn xuất phát từ tình trạng pháp lý của tài sản

Điểm d khoản 2 Điều 198a loại trừ việc thu giữ khi tài sản đang tranh chấp trong vụ án đã được Tòa án thụ lý; đang bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, kê biên hoặc biện pháp bảo đảm thi hành án; hoặc thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo pháp luật về phục hồi, phá sản¹⁶. Các trường hợp này thể hiện điểm dừng của cơ chế tự thực hiện quyền trước cơ chế công quyền: khi tài sản đã được đặt trong phạm vi giải quyết hoặc kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền, chủ thể tư không thể đơn phương thay đổi trạng thái kiểm soát tài sản.

Đối với tài sản tranh chấp, luật lựa chọn việc Tòa án thụ lý vụ án làm căn cứ loại trừ quyền thu giữ, thay vì chỉ dựa trên việc một chủ thể tuyên bố có tranh chấp. Cách thiết kế này hạn chế khả năng một phần đối đơn phương làm đình lại quyền thu giữ, nhưng đồng thời có nghĩa rằng từ thời điểm vụ án được thụ lý, việc giải quyết xung đột đối với tài sản phải chuyển sang cơ chế tư pháp.

3.3. Giới hạn nhằm bảo vệ điều kiện sống thiết yếu của bên bảo đảm

Đối với chỗ ở duy nhất và công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất của bên bảo đảm là cá nhân, Nghị định số 304/2025/NĐ-CP không loại trừ quyền thu giữ mà đặt thêm điều kiện bảo vệ. Bên nhận bảo đảm phải trích cho bên bảo đảm khoản tiền bằng 12 tháng lương tính theo mức lương tối thiểu đối với chỗ ở duy nhất và 06 tháng lương đối với công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất không hình thành từ vốn vay¹⁷. Đây là cơ chế thu giữ có điều kiện, nhằm dung hòa khả năng xử lý tài sản với yêu cầu bảo vệ chỗ ở và sinh kế thiết yếu.

Tuy nhiên, cơ chế bảo vệ phụ thuộc vào việc bên bảo đảm xác nhận và chứng minh tình trạng của tài sản trong thời hạn 10 ngày làm việc; nếu không thực hiện, tài sản được xác định không thuộc trường hợp được bảo vệ¹⁸. Hệ quả này cần được cân nhắc vì một cơ chế nhằm bảo vệ điều kiện sống thiết yếu có thể bị loại trừ chỉ do không hoàn thành nghĩa vụ chứng minh trong thời hạn luật định, kể cả khi tình trạng của tài sản có khả năng được xác minh khách quan.

3.4. Giới hạn đối với phương thức thực hiện quyền thu giữ

Đây là giới hạn quan trọng nhưng pháp luật hiện hành chưa xác định đầy đủ. Khoản 6 Điều 198a chỉ cấm áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội; khoản 5 Điều này quy định vai trò của Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã trong bảo đảm an ninh, trật tự và chứng kiến việc thu giữ¹⁹. Các quy định này chưa trả lời trực tiếp chủ thể có quyền được thực hiện những hành vi nào khi người đang chiếm hữu tài sản không giao hoặc ngăn cản việc thu giữ.

Khoảng trống này thể hiện rõ đối với những hành vi như mở khóa để tiếp cận tài sản, đưa tài sản ra khỏi nơi đang được quản lý hoặc di chuyển người và tài sản khỏi nhà ở. Sự chứng kiến của chính quyền địa phương hoặc việc Công an bảo đảm trật tự không tự nó tạo ra thẩm quyền thực hiện những hành vi mang tính cưỡng buộc.

Vấn đề này không chỉ xuất hiện trong pháp luật Việt Nam. Trong cơ chế cơ chế tự thu giữ tài sản bảo đảm (self-help repossession), pháp luật Hoa Kỳ cho phép bên có bảo đảm thu hồi tài sản ngoài thủ tục tư pháp nhưng phải dừng lại khi việc thu hồi gây ra gây “mất trật tự, xung đột” (breach of the peace). Các nghiên cứu về tiêu chuẩn này cho thấy khó khăn trung tâm chính là xác định thời điểm hành vi tự thực hiện quyền vượt sang sự can thiệp không được phép vào người hoặc tài sản của bên có nghĩa vụ²⁰. Dù không thể áp dụng trực tiếp tiêu chuẩn này vào Việt Nam, kinh nghiệm so sánh cho thấy một cơ chế tự thu giữ chỉ có thể vận hành ổn định khi pháp luật xác định được ranh giới hành vi của chủ thể có quyền.

Điều 198a hiện giao tổ chức tín dụng xây dựng quy định nội bộ về trình tự, thủ tục thu giữ²¹, nhưng quy định nội bộ không thể tạo thêm quyền năng tác động đến người và tài sản mà pháp luật chưa trao. Vì vậy, vấn đề cần hoàn thiện là xác định những hành vi chủ thể tư được phép thực hiện, những hành vi phải dừng lại và thời điểm việc tiếp tục kiểm soát tài sản phải chuyển sang cơ chế công quyền.

4. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về quyền thu giữ tài sản bảo đảm

Từ những vấn đề trên, việc hoàn thiện pháp luật cần đồng thời bảo đảm khả năng thực hiện quyền thu giữ và duy trì ranh giới giữa tự thực hiện quyền với cưỡng chế của Nhà nước. Trọng tâm không phải là quy định lại những quyền, nghĩa vụ đã được pháp luật dân sự, tố tụng và thi hành án điều chỉnh, mà là làm rõ những vấn đề đặc thù của quyền thu giữ còn chưa được Điều 198a Luật Các tổ chức tín dụng xác định đầy đủ.

Thứ nhất, cần làm rõ phạm vi tự thực hiện quyền thu giữ và giá trị của thỏa thuận thu giữ. Điều 198a cần xác định rõ rằng khi các điều kiện luật định đã được đáp ứng, việc bên bảo đảm hoặc người đang giữ tài sản từ chối giao tài sản, thay đổi ý chí hoặc phản đối việc thu giữ không tự thân làm chấm dứt quyền thu giữ đã phát sinh hợp pháp. Cách tiếp cận này bảo đảm ý nghĩa của điều kiện hợp đồng bảo đảm phải có thỏa thuận cho phép thu giữ theo điểm b khoản 2 Điều 198a.

Tuy nhiên, sự tồn tại của quyền thu giữ phải được phân biệt với phương thức thực hiện quyền. Thỏa thuận cho phép thu giữ không thể được hiểu là sự chấp thuận trước cho tổ chức tín dụng sử dụng vũ lực hoặc các biện pháp thuộc quyền cưỡng chế của Nhà nước. Vì vậy, sự không hợp tác hoặc phản đối của người đang giữ tài sản không đương nhiên làm mất quyền thu giữ, nhưng có thể làm phát sinh giới hạn đối với việc tổ chức tín dụng tiếp tục tự mình thực hiện quyền nếu việc tiếp tục thu giữ đòi hỏi sử dụng biện pháp cưỡng bức.

Thứ hai, cần bổ sung cơ sở pháp lý để quy định cụ thể phương thức thực hiện quyền thu giữ. Điều 198a cần xác định hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết những vấn đề đặc thù của việc thu giữ mà pháp luật khác chưa điều chỉnh, trong đó tập trung vào trình tự tổ chức thu giữ khi người giữ tài sản không hợp tác; việc thông báo, lập biên bản và ghi nhận hiện trạng tài sản; sự tham gia của người chứng kiến; phương thức tiếp cận, tiếp nhận, bảo quản và di chuyển tài sản; và tiêu chí xác định thời điểm tổ chức tín dụng phải dừng việc tự thực hiện quyền.

Việc xác định giới hạn hành vi cũng cần tính đến đặc tính của từng loại tài sản. Đối với động sản có thể tiếp cận và di chuyển mà không cần tác động cưỡng bức đối với người hoặc xâm nhập trái pháp luật vào không gian thuộc quyền kiểm soát của chủ thể khác, phạm vi tự thực hiện quyền có thể khác với nhà ở, công trình hoặc tài sản nằm trong khu vực đang có người cư trú. Những biện pháp đã thuộc thẩm quyền của Tòa án, cơ quan thi hành án hoặc cơ quan nhà nước khác không cần được quy định lại trong Luật Các tổ chức tín dụng.

Nghị định số 304/2025/NĐ-CP hiện điều chỉnh điều kiện tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ. Vì vậy, việc quy định chi tiết toàn bộ phương thức thu giữ tại Nghị định này chỉ phù hợp khi có căn cứ giao quy định chi tiết tương ứng từ Luật Các tổ chức tín dụng; còn việc sửa đổi Nghị định số 304/2025/NĐ-CP nên giới hạn ở những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định.

Thứ ba, cần xác định rõ điểm chuyển tiếp từ tự thực hiện quyền sang cơ chế công quyền. Khi việc tiếp tục thu giữ đòi hỏi sử dụng biện pháp cưỡng bức đối với người hoặc tài sản mà pháp luật không trao cho tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải chấm dứt việc tự thực hiện nhưng quyền yêu cầu giao và xử lý tài sản không vì thế mà chấm dứt. Từ thời điểm này, việc buộc giao tài sản phải được thực hiện thông qua cơ chế tư pháp và thi hành án theo pháp luật tương ứng.

Điều 198a có thể được hoàn thiện theo hướng xác lập “điểm nổi” với cơ chế công quyền, trong đó tranh chấp về nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, khi tổ chức tín dụng đã chứng minh đầy đủ các điều kiện phát sinh quyền thu giữ, được giải quyết theo thủ tục tố tụng phù hợp; trường hợp đáp ứng điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn thì thực hiện theo pháp luật tố tụng dân sự. Việc thi hành bản án, quyết định và áp dụng biện pháp cưỡng chế tiếp tục thuộc pháp luật thi hành án dân sự. Cách thiết kế này không tạo thêm quyền cưỡng chế cho tổ chức tín dụng và cũng không nhất thiết phải quy định lại trình tự tố tụng, thi hành án trong Luật Các tổ chức tín dụng.

Thứ tư, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ bên bảo đảm và người có quyền, lợi ích liên quan. Đối với chỗ ở duy nhất và công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất, cần sửa đổi Nghị định số 304/2025/NĐ-CP theo hướng việc bên bảo đảm không hoàn thành việc xác nhận, chứng minh trong thời hạn luật định không đương nhiên làm mất cơ chế bảo vệ nếu tình trạng của tài sản có thể được xác minh khách quan từ cơ sở dữ liệu hoặc tài liệu hợp pháp khác.

Đối với quá trình thực hiện quyền thu giữ, Điều 198a hoặc văn bản quy định chi tiết cần yêu cầu lập biên bản ghi nhận tình trạng tài sản, thành phần tham gia, diễn biến việc thu giữ và ý kiến phản đối của người đang kiểm soát tài sản nếu có; đồng thời xác định trách nhiệm của tổ chức tín dụng khi thu giữ không đúng căn cứ, vượt quá phạm vi quyền hoặc sử dụng biện pháp trái pháp luật.

Như vậy, hoàn thiện pháp luật về quyền thu giữ không nên chỉ tập trung vào việc giới hạn những hành vi tổ chức tín dụng không được thực hiện, mà cần đồng thời xác định giá trị của quyền đã phát sinh, phạm vi chủ thể có quyền được tự thực hiện và cơ chế pháp lý tiếp nối khi giới hạn của quyền tự thực hiện đã đạt tới. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm quyền thu giữ có khả năng vận hành trên thực tế, vừa duy trì nguyên tắc quyền cưỡng chế thuộc về Nhà nước.

5. Kết luận

Quyền thu giữ tài sản bảo đảm là cơ chế cho phép tổ chức tín dụng thiết lập sự kiểm soát thực tế đối với tài sản để thực hiện quyền xử lý, nhưng không đồng nhất với quyền xử lý và không bao hàm quyền cưỡng chế. Pháp luật hiện hành đã xác lập tương đối cụ thể điều kiện và một số giới hạn của quyền thu giữ, nhưng chưa xác định đầy đủ phạm vi hành vi mà chủ thể có quyền được thực hiện khi người đang giữ tài sản không hợp tác.

Vì vậy, hoàn thiện pháp luật cần tập trung xác định rõ giới hạn hành vi của quyền thu giữ và cơ chế chuyển tiếp sang sự can thiệp của cơ quan nhà nước khi cần sử dụng biện pháp cưỡng chế. Việc xác lập ranh giới này là điều kiện để quyền thu giữ có khả năng thực hiện trên thực tế mà vẫn bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của bên bảo đảm và các chủ thể có liên quan ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Bộ luật Dân sự 2015, Điều 317 khoản 2

²Bộ luật Dân sự 2015, Điều 323 khoản 7.

³Chu Thị Thanh An. (2019). Quyền thu giữ tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi nợ của tổ chức tín dụng. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, 11(379)/2019, 25-30.

⁴Bộ luật Dân sự 2015, Điều 299 và Điều 303.

⁵Bộ luật Dân sự 2015, Điều 301.

⁶Luật Các tổ chức tín dụng 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 198a khoản 1 và khoản 2

⁷Bộ luật Dân sự 2015, Điều 9 khoản 1 và Điều 164 khoản 1.

⁸Luật Các tổ chức tín dụng 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 198a khoản 1 và khoản 2 điểm b.

- ⁹Asress Adimi Gikay & Cătălin Gabriel Stănescu. (2017). The Reluctance of Civil Law Systems in Adopting the UCC Article 9 ‘Without Breach of Peace’ Standard-Evidence from National and International Legal Instruments Governing Secured Transactions. *Journal of Civil Law Studies*, 10(1), 99-160.
- ¹⁰Tibor Tajti (Thaythy). (2024). The Efficient Enforcement Challenge of Secured Transactions Law Reforms in Civil Law Systems-Self-Help Repossession, Strict Foreclosure, and Other Methods for the Acceleration of Enforcement of Security Interests. *Uniform Law Review*, 29(2), 139-188.
- ¹¹Luật Các tổ chức tín dụng 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 198a khoản 5.
- ¹²Luật Thi hành án dân sự 2025, Điều 71, Điều 72, Điều 88, Điều 89 và Điều 90.
- ¹³Tibor Tajti (Thaythy). (2024). The Efficient Enforcement Challenge of Secured Transactions Law Reforms in Civil Law Systems-Self-Help Repossession, Strict Foreclosure, and Other Methods for the Acceleration of Enforcement of Security Interests. *Uniform Law Review*, 29(2), 139-188.
- ¹⁴Luật Các tổ chức tín dụng 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 198a khoản 2 các điểm a, b, c, d, đ và e.
- ¹⁵Luật Các tổ chức tín dụng 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 198a khoản 2 điểm b.
- ¹⁶Luật Các tổ chức tín dụng 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 198a khoản 2 điểm d.
- ¹⁷Chính phủ (2025). Nghị định số 304/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025 quy định điều kiện tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ, Điều 4 khoản 1.
- ¹⁸Chính phủ (2025). Nghị định số 304/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025 quy định điều kiện tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ, Điều 5 khoản 1 và khoản 2.
- ¹⁹Luật Các tổ chức tín dụng 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 198a khoản 5 và khoản 6.
- ²⁰Asress Adimi Gikay & Cătălin Gabriel Stănescu. (2017). The Reluctance of Civil Law Systems in Adopting the UCC Article 9 ‘Without Breach of Peace’ Standard-Evidence from National and International Legal Instruments Governing Secured Transactions. *Journal of Civil Law Studies*, 10(1), 99-160; Tibor Tajti (Thaythy). (2024). The Efficient Enforcement Challenge of Secured Transactions Law Reforms in Civil Law Systems-Self-Help Repossession, Strict Foreclosure, and Other Methods for the Acceleration of Enforcement of Security Interests. *Uniform Law Review*, 29(2), 139-188.
- ²¹Luật Các tổ chức tín dụng 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 198a khoản 7.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Quốc hội (2015). Luật số 91/2015/QH13: Bộ luật Dân sự, ban hành ngày 24/11/2015.
- Quốc hội (2024). Luật số 32/2024/QH15: Luật Các tổ chức tín dụng, ban hành ngày 18/01/2024, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.
- Quốc hội (2025). Luật số 106/2025/QH15: Luật Thi hành án dân sự, ban hành ngày 05/12/2025.
- Chính phủ (2025). Nghị định số 304/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025 quy định điều kiện tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ.
- Chu Thị Thanh An. (2019). Quyền thu giữ tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi nợ của tổ chức tín dụng. *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, 11(379), 25-30.
- Gikay, Asress Adimi & Stănescu, Cătălin Gabriel. (2017). The Reluctance of Civil Law Systems in Adopting the UCC Article 9 ‘Without Breach of Peace’ Standard-Evidence from National and International Legal Instruments Governing Secured Transactions. *Journal of Civil Law Studies*, 10(1).
- Tajti (Thaythy), Tibor. (2024). The Efficient Enforcement Challenge of Secured Transactions Law Reforms in Civil Law Systems-Self-Help Repossession, Strict Foreclosure, and Other Methods for the Acceleration of Enforcement of Security Interests. *Uniform Law Review*, 29(2), 139-188.